

Số: 220 /QĐ-STNMT

Điện Biên, ngày 19 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2019

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Thủ tướng Chính Phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 20/5/2016 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 1169/QĐ-UBND ngày 10/12/2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2019;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2019 cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, (Nhu biểu chi tiết đính kèm).

Điều 2. Căn cứ dự toán được giao năm 2019 (đã bao gồm tiền lương và các chế độ phụ cấp theo mức lương cơ sở 1.390.000 đồng/tháng) thủ trưởng các đơn vị sử dụng dự toán thuộc Sở, tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn thu để thực hiện cải cách tiền lương năm 2019 từ một phần nguồn thu được để lại theo chế độ của các đơn vị; tiết kiệm 10% số chi thường xuyên tăng thêm (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ).

Điều 3. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2019 được giao, thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách có trách nhiệm quản lý, sử dụng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

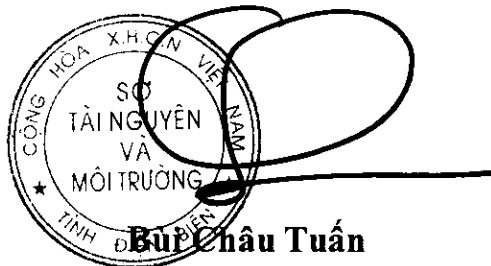
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Trưởng Phòng Kế hoạch - Tài chính, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Quản lý đất đai, Giám đốc các đơn vị: Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai, Trung tâm phát triển quỹ đất, Trung tâm công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường, Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Sở Tài chính;
- Kho bạc NN tỉnh;
- Lãnh đạo Sở TNMT;
- Lưu: VT, Kế toán trưởng (03 bộ).

GIÁM ĐỐC



PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018*(Kèm theo Quyết định số 220 /QĐ-STNMT ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên)*

Dvt: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị sử dụng													
			Văn phòng sở						Chi cục BVMT		Chi cục QLDD	Trung tâm Quan trắc TN&MT	Trung tâm KITT&MT	Văn phòng Đăng ký đất đai	TT Phát triển QĐ	TT Công nghệ TT
			QLNN L340 - K341	Sự nghiệp TN L280 - K332	Quan trắc MT L250 - K251	Sự nghiệp MT L280 - K278	SNMT L250 - K272	QLNN L340 - K341	QLNN L340 - K341	Sự nghiệp MT L250 - K251	Sự nghiệp TN L280 - K332	Sự nghiệp TN L280 - K332	Sự nghiệp TN L280 - K332	Sự nghiệp TN L280 - K332	Sự nghiệp TN L280 - K332	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12			
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	597,0	-	-	-	-	-	36,0	-	-	-	-	380,0	-	15,0	
1	Số thu phí, lệ phí	597,0	-	-	-	-	-	36,0	-	-	-	-	380,0	-	15,0	
1.1	Lệ phí	416,0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	380,0	-	-	
-	Lệ phí Cấp giấy CNQSDĐ	380,0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	380,0	-	-	
-	Thu lệ phí thăm đĩnh ĐTM	36,0	-	-	-	-	-	36,0	-	-	-	-	-	-	-	
1.2	Phí	169,0	-	-	-	-	-	154,0	-	-	-	-	-	-	15,0	
-	Trích lục	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Bản đồ chuyên đề	15,0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15,0	
-	Thu phí nước thải công nghiệp	154,0	-	-	-	-	-	154,0	-	-	-	-	-	-	-	
-	Thu giao đất, giao rừng (huyện Điện Biên Đông)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Thu đo đạc bản đồ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Thu phí thăm đĩnh hồ sơ cải tạo, phục hồi MT	12,0	-	-	-	-	-	12,0	-	-	-	-	-	-	-	
1.3	Thu sự nghiệp khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	175,0	-	-	-	-	-	25,0	-	-	-	-	75,0	-	5,0	
2.1	Chi sự nghiệp kinh tế	80,0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	75,0	-	5,0	
-	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	80,0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	75,0	-	5,0	
2.2	Chi quản lý hành chính	25,0	-	-	-	-	-	25,0	-	-	-	-	-	-	-	
-	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	25,0	-	-	-	-	-	25,0	-	-	-	-	-	-	-	
2.3	Tiết kiệm thực hiện CCTL	70,0	-	-	-	-	-	16,0	-	-	-	-	50,0	-	4,0	
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách	422,0	-	-	-	-	-	161,0	-	-	-	-	255,0	-	6,0	
3.1	Lệ phí	273,0	-	-	-	-	-	18,0	-	-	-	-	255,0	-	-	

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018

Đơn vị: Văn Phòng Sở Tài nguyên và Môi trường

Mã số: 1031867

Mã KBNN nơi giao dịch: 2761

(Kèm theo Quyết định số: 220 /QĐ-STNMT ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên)

Đvt: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Tổng số	Nguồn kinh phí				
			QLNN L340 - K341	SNTN L280 - K332	Quan trắc MT L250 - K251	SNMT L250 - K278	SNMT L250 - K272
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-	-	-		-	
1	Số thu phí, lệ phí	-	-	-		-	
1.1	Lệ phí	-					
-	Thu lệ phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản						
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-	-		-	
2.1	Chi quản lý hành chính						
-	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-					
-	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-					
2.2	Tiết kiệm thực hiện CCTL						
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách	-	-	-		-	
3.1	Lệ phí	-					
	Thu lệ phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản						
3.2	- Thu khác						
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	12.197,0	4.252,0	5.220,0	1.250,0	1.075,0	400,0
1	Chi quản lý hành chính	4.252,0	4.252,0	-		-	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.852,0	3.852,0				
-	Trong đó:	114,0	114,0				
+	Tiết kiệm 10% thực hiện CCTL	104,0	104,0				
+	Tiết kiệm thêm 10% thực hiện CCTL	10,0	10,0				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	400,0	400,0				
-	Trong đó:						
+	Sửa chữa xe ô tô 27A-3388	200,0	200,0				
+	Mua máy Photo copy (01 chiếc)	90,0	90,0				
+	Máy in A4, 02 mặt (05 cái)	50,0	50,0				
+	Máy vi tính xách tay (02 chiếc)	30,0	30,0				
+	Máy in A3 (01 cái)	30,0	30,0				
2	Chi sự nghiệp kinh tế	5.220,0	-	5.220,0		-	
2.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	5.220,0		5.220,0			
	* Trong đó tiết kiệm 10%	25,0		25,0			
3	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	2.325,0	-	-	1.250,0	1.075,0	
3.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.325,0			1.250,0	1.075,0	
4	Chi từ nguồn hỗ trợ vốn SN thực hiện các CTMT	400,0					400,0
4.1	Chương trình mục tiêu ứng phó Biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh	400,0					400,0

Chương: 426

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019*Đơn vị: Chi cục Quản lý đất đai**Mã số: 1124362**Mã KBNN nơi giao dịch: 2761**(Kèm theo Quyết định số: 220 /QĐ-STNMT ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên)**Đvt: Triệu đồng*

Stt	Nội dung	Tổng số: QLNN (Loại 340 - Khoản 341)
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	-
1.1	Lệ phí	-
-	<i>Thu lệ phí thẩm định ĐTM</i>	-
1.2	Phí	
-	<i>Thu phí nước thải công nghiệp</i>	
1.3	Thu khác	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-
2.1	Chi quản lý hành chính	-
-	<i>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</i>	
-	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	
2.2	<i>Tiết kiệm thực hiện CCTL</i>	
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách	-
3.1	Lệ phí	-
-	<i>Thu lệ phí thẩm định ĐTM</i>	
3.2	Phí	-
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.490,0
1	Chi quản lý hành chính	1.490,0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.490,0
-	<i>Trong đó:</i>	44,0
+	<i>Tiết kiệm 10% thực hiện CCTL</i>	44,0
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-
-	<i>Mua máy Photo copy (01 cái)</i>	
2	Chi sự nghiệp kinh tế	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
3.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	

Chương: 426

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019*Đơn vị: Chi cục Bảo vệ Môi trường**Mã số: 1098839**Mã KBNN nơi giao dịch: 2761**(Kèm theo Quyết định số: 220 /QĐ-STNMT ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên)**Đvt: Triệu đồng*

Stt	Nội dung	Tổng cộng	Nguồn kinh phí	
			QLNN L340 - K341	SNMT L250 - K278
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
1	Số thu phí, lệ phí	202,0	202,0	
1.1	Lệ phí	36,0	36,0	
-	<i>Thu lệ phí thẩm định ĐTM</i>	<i>36,0</i>	<i>36,0</i>	
1.2	Phí	154,0	154,0	
-	<i>Thu phí nước thải công nghiệp</i>	<i>154,0</i>	<i>154,0</i>	
1.3	Phí	12,0	12,0	
-	<i>Thu phí thẩm định hồ sơ cải tạo, phục hồi MT</i>	<i>12,0</i>	<i>12,0</i>	
1.4	Thu khác			
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	41,0	41,0	
2.1	Chi quản lý hành chính	25,0	25,0	
-	<i>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</i>	-		
-	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	<i>25,0</i>	<i>25,0</i>	
2.2	Tiết kiệm thực hiện CCTL	16,0	16,0	
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách	161,0	161,0	
3.1	Lệ phí	18,0	18,0	
-	<i>Thu lệ phí thẩm định ĐTM</i>	<i>18,0</i>	<i>18,0</i>	
3.2	Phí	142,0	142,0	
-	<i>Thu phí nước thải công nghiệp</i>	<i>142,0</i>	<i>142,0</i>	
3.3	Phí	1,0	1,0	
-	<i>Thu phí thẩm định hồ sơ cải tạo, phục hồi MT</i>	<i>1,0</i>	<i>1,0</i>	
3.4	- Thu khác			
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.280,0	1.020,0	260,0
1	Chi quản lý hành chính	1.020,0	1.020,0	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.020,0	1.020,0	
-	<i>Trong đó:</i>	<i>32,0</i>	<i>32,0</i>	
+	<i>Tiết kiệm 10% thực hiện CCTL</i>	<i>32,0</i>	<i>32,0</i>	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	
2	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	260,0		260,0
2.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	260,0		260,0

Chương: 426

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019*Đơn vị: Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và Môi trường**Mã số: 1031866**Mã KBNN nơi giao dịch: 2761**(Kèm theo Quyết định số: 220/QĐ-STNMT ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên)**Đvt: Triệu đồng*

Stt	Nội dung	Tổng số: SNKT Loại 280 - Khoản 332
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-
1	Số thu phí, lệ phí	-
1.1	Lệ phí	-
1.2	Phí	
-	<i>Thu lập quy hoạch sử dụng đất</i>	
1.3	Thu khác	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp kinh tế	-
-	<i>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</i>	
-	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	
2.2	<i>Tiết kiệm thực hiện CCTL</i>	
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách	-
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
-	<i>Thu lập quy hoạch sử dụng đất</i>	
3.3	- Thu khác	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.260,0
1	Chi quản lý hành chính	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
-	<i>Trong đó:</i>	
+	<i>Tiết kiệm 10% thực hiện CCTL</i>	
2	Chi thường xuyên sự nghiệp kinh tế	1.260,0
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.245,0
-	<i>Trong đó:</i>	32,0
+	<i>Tiết kiệm 10% thực hiện CCTL</i>	32,0
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	15,0
-	<i>Trong đó:</i>	
+	<i>Máy vi tính xách tay (01 chiếc)</i>	15,0
3	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-
-	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	

Chương: 426

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019*Đơn vị: Trung tâm phát triển quỹ đất**Mã số: 1081891**Mã KBNN nơi giao dịch: 2761**(Kèm theo Quyết định số: 210/QĐ-STNMT ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên)**Đvt: Triệu đồng*

Stt	Nội dung	Tổng số: SNKT Loại 280 - Khoản 332
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	-
-	<i>Thu tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư</i>	-
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp kinh tế	
-	<i>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</i>	-
-	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	
2.2	<i>Tiết kiệm thực hiện CCTL</i>	
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách	-
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
-	<i>Thu tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư</i>	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	3.530,0
1	Chi quản lý hành chính	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
-	<i>Trong đó:</i>	
+	<i>Tiết kiệm 10% thực hiện CCTL</i>	
2	Chi thường xuyên sự nghiệp kinh tế	3.530,0
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.430,0
-	<i>Trong đó:</i>	150,0
+	<i>Tiết kiệm 10% thực hiện CCTL</i>	90,0
+	<i>Tiết kiệm thêm 10% thực hiện CCTL</i>	60,0
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	100,0
-	<i>Trong đó:</i>	
+	<i>Mua máy Photo copy (01 cái)</i>	60,0
+	<i>Máy vi tính để bàn + Lưu điện (02 bộ)</i>	30,0
+	<i>Máy in A4, 02 mặt (01 cái)</i>	10,0
3	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0,0
-	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	

Chương: 426

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019*Đơn vị: Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường**Mã số: 1124361**Mã KBNN nơi giao dịch: 2761**(Kèm theo Quyết định số: 220/QĐ-STNMT ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên)**Đvt: Triệu đồng*

Stt	Nội dung	Tổng số: SNMT 250 - Khoản 251	Loại
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		
1	Số thu phí, lệ phí		
1.1	Lệ phí		
-	<i>Thu lệ phí thăm định ĐTM</i>		
1.2	Phí		
-	<i>Thu phí nước thải công nghiệp</i>		-
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại		
2.1	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường		
-	<i>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</i>		
-	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>		-
2.2	<i>Tiết kiệm thực hiện CCTL</i>		
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách		
3.1	Lệ phí		-
-	<i>Thu lệ phí thăm định ĐTM</i>		
3.2	Phí		
-	<i>Thu phí nước thải công nghiệp</i>		
3.3	Thu khác		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.083,0	
1	Chi quản lý hành chính		-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		
2	Chi thường xuyên lĩnh vực về môi trường	943,0	
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	943,0	
-	<i>Trong đó:</i>	25,0	
+	<i>Tiết kiệm 10% thực hiện CCTL</i>	25,0	
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		-
3	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	140,0	
-	<i>Đào tạo quan trắc viên, kỹ thuật viên; Kinh phí tập huấn vận hành thiết bị; Kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị và Hiệu chuẩn thiết bị quan trắc</i>	140,0	

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

Đơn vị: Văn phòng Đăng ký đất đai

Mã số: 1081890

Mã KBNN nơi giao dịch: 2761

(Kèm theo Quyết định số: 220/QĐ-STNMT ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên)

Đvt: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Tổng số: Loại 280 - Khoản 332
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	380,0
1	Số thu phí, lệ phí	380,0
1.1	Lệ phí	380,0
-	<i>Thu lệ phí cấp giấy CNQSD đất</i>	<i>380,0</i>
1.2	Thu khác	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	125,0
2.1	Chi sự nghiệp kinh tế	75,0
-	<i>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</i>	
-	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	<i>75,0</i>
2.2	Tiết kiệm thực hiện CCTL	50,0
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách	255,0
3.1	Lệ phí	255,0
-	<i>Thu lệ phí cấp giấy CNQSD đất</i>	<i>255,0</i>
3.2	Phí	
-	<i>Thu Phí cấp giấy CNQSD đất</i>	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	4.828,0
1	Chi quản lý hành chính	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
-	<i>Trong đó:</i>	
+	<i>Tiết kiệm 10% thực hiện CCTL</i>	
2	Chi thường xuyên sự nghiệp kinh tế	4.038,0
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.783,0
-	<i>Trong đó:</i>	<i>97,0</i>
+	<i>Tiết kiệm 10% thực hiện CCTL</i>	<i>97,0</i>
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	255,0
-	Trong đó:	
+	<i>Máy vi tính để bàn + Lưu điện (01 bộ)</i>	<i>15,0</i>
+	<i>Máy in A4, 02 mặt (01 cái)</i>	<i>10,0</i>
+	<i>Máy in A3 (01 cái)</i>	<i>30,0</i>
+	<i>Sửa chữa xe ô tô 27A-00272</i>	<i>200,0</i>

Stt	Nội dung	Tổng số: Loại 280 - Khoản 332
3	Chi sự nghiệp Tài nguyên	790,0
-	Đăng ký biến động; cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Điện Biên, TP. Điện Biên Phủ, TX. Mường Lay và Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Điện Biên, TP. Điện Biên Phủ, TX. ML	450,0
-	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các tổ chức trên địa bàn toàn tỉnh	140,0
-	Chỉnh lý biến động về sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	50,0
-	Thống kê đất đai 2018: - Thống kê đất đai cấp tỉnh (30 triệu) - Thống kê đất đai cấp huyện (03 chi nhánh 20 triệu).	50,0
-	Duy trì đường truyền CSDL đất đai	100,0
4	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-
-	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019*Đơn vị: Trung tâm công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường**Mã số: 1117771**Mã KBNN nơi giao dịch: 2761**(Kèm theo Quyết định số: 220/QĐ-STNMT ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên)**Đvt: Triệu đồng*

Stt	Nội dung	Tổng số	Nguồn kinh phí		
			SNKT L280 - K332	SNTN L280 - K332	SNMT L250 - K278
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	15,0	15,0		
1	Số thu phí, lệ phí	15,0	15,0		
1.1	Lệ phí				
-				
1.2	Phí	15,0	15,0		
-	<i>Thu lệ phí từ cung cấp bản đồ chuyên đề</i>	15,0	15,0		
1.3	Thu khác				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	9,0	9,0		
2.1	Chi sự nghiệp kinh tế	5,0	5,0		
-	<i>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</i>				
-	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	5,0	5,0		
2.2	Tiết kiệm thực hiện CCTL	4,0	4,0		
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách	6,0	6,0		
3.1	Lệ phí				
-				
3.2	Phí	6,0	6,0		
-	<i>Thu lệ phí từ cung cấp bản đồ chuyên đề</i>	6,0	6,0		
3.3	- Thu khác				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.120,0	920,0	70,0	130,0
1	Chi quản lý hành chính				-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
-	<i>Trong đó:</i>				
+	<i>Tiết kiệm 10% thực hiện CCTL</i>				
2	Chi thường xuyên sự nghiệp kinh tế		920,0	70,0	130,0
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		890,0		
-	<i>Trong đó:</i>		21,0		
+	<i>Tiết kiệm 10% thực hiện CCTL</i>		21,0		

Stt	Nội dung	Tổng số	Nguồn kinh phí		
			SNKT L280 - K332	SNTN L280 - K332	SNMT L250 - K278
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		30,0		
-	<i>Trong đó:</i>				
+	<i>Máy vi tính để bàn + Lưu điện (02 bộ)</i>		30,0		
3	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				130,0
-	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				130,0
4	Chi sự nghiệp Tài nguyên			70,0	
-	Thuê máy chủ phục vụ hoạt động Webise Sở Tài nguyên và Môi trường			70,0	

THUYẾT MINH PHÂN BỐ CHI SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 220/QĐ-STNMT ngày 19/12/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm trước	Dự toán giao năm 2019
A	B	1	2
	Tổng chi	3.294,0	9.358,0
I	Kinh phí chi thường xuyên	964,0	943,0
1	Kinh phí nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN (theo số lượng, khối lượng và đơn giá sản phẩm được cấp có thẩm quyền quyết định)		
2	Kinh phí chi hoạt động thường xuyên bộ máy (theo số lượng viên chức, định mức phân bổ dự toán theo quyết định của cấp có thẩm quyền)	964,0	943,0
II	Kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên	2.330,0	8.415,0
1	Kinh phí thực hiện các chương trình, dự án, đề án, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường (1)	2.330,0	2.112,0
-	Đào tạo quan trắc viên, kỹ thuật viên; Kinh phí tập huấn vận hành thiết bị; Kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị; Hiệu chuẩn thiết bị quan trắc; Cấp phép theo Nghị định 127/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ	180,0	140,0
-	Quan trắc, giám sát môi trường trên địa bàn tỉnh Điện Biên	1.250,0	1.250,0
-	Chuyên mục Tài nguyên và môi trường phát trên sóng phát thanh và truyền hình tỉnh Điện Biên	219,0	252,0
-	Tuyên truyền lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên Báo Tài nguyên và Môi trường	100,0	100,0
-	Xuất bản Bản tin Tài nguyên và môi trường	141,0	130,0
-	Vận chuyển, tiêu hủy thuốc bảo vệ thực vật tồn lưu hoặc quá hạn sử dụng tại các kho chứa	180,0	80,0
-	Hỗ trợ thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường và Đề án bảo vệ môi trường	30,0	30,0
-	Xây dựng báo cáo chuyên đề về môi trường: Báo cáo hiện trạng môi trường không khí tỉnh Điện Biên.	60,0	30,0
-	Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường;	30,0	30,0
-	Hỗ trợ thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường và Đề án bảo vệ môi trường	60,0	30,0
-	Hoạt động hưởng ứng các ngày truyền thông về môi trường: Ngày Môi trường thế giới (5/6); Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn tháng...	80,0	40,0
-	Tập huấn các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường		20,0
a	Dự án chuyển tiếp	-	4.403,0
-	Dự án "Thành lập Khu bảo tồn loài - sinh cảnh cấp Quốc gia Pá Khoang - Mường Phăng"		683,0

-	Xây dựng hành lang bảo vệ nguồn nước mặt chính, quan trọng trên địa bàn tỉnh Điện Biên		3.422,0
-	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Điện Biên		298,0
b	Dự án mở mới	-	1.500,0
-	Điều tra hiện trạng, nguyên nhân, dự báo nguy cơ sụt lún, trượt lở khu vực Trung tâm xã Tia Đình, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên và đề xuất biện pháp phòng tránh giảm thiểu thiệt hại.		1.500,0
2	Hỗ trợ xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích theo quyết định của cấp có thẩm quyền (1)		
a	Dự án chuyên tiếp		
-	Cải tạo, xử lý triệt để ô nhiễm bãi chôn lấp rác thải Noong Bua xã Tà Lèng thành phố ĐBP	-	-
b	Dự án mở mới		
	- Dự án...		
3	Chi các hoạt động khác (2)		
1	Vốn đối ứng dự án bảo vệ môi trường		400,0
2	...		400,0

Ghi chú:

(1) Thuyết minh từng dự án/nhiệm vụ: Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền, thời gian thực hiện, tổng mức kinh phí được phê duyệt, lũy kế kinh phí đã bố trí đến hết năm hiện hành.

(2) Thuyết minh chi tiết theo từng nội dung cụ thể.

**THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
CHO CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2019**

(Kèm theo Quyết định số 220/QĐ-STNMT ngày 19/12/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên)

STT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công	Đơn giá sản phẩm (đơn vị tính đồng)	Dự toán giao chi thường xuyên (đơn vị tính đồng)
A	B	1	2	3	4=2x3
IV	Đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (1)				
1	Đơn vị: Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường	Đơn vị	11	23.000.000	253.000.000
	...				

Ghi chú (1): Cột 4. Dự toán giao chi thường xuyên = Số lượng người làm việc theo quyết định của cấp có thẩm quyền x Định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ NĂM
 2019**

(Kèm theo Quyết định số 220 /QĐ-STNMT ngày 19/12/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên)

Đơn vị: Triệu đồng

	Nội dung	Ước thực hiện năm trước	Dự toán giao năm 2019
A	B	1	2
I	Tổng chi	14.683,0	17.910,0
1	Kinh phí chi thường xuyên	9.798,0	12.588,0
2	Chi sự nghiệp tài nguyên	4.885,0	5.322,0
<i>a</i>	<i>Chi hoạt động kinh tế đo đạc bản đồ và viễn thám</i>		
	- Đo đạc và bản đồ		
	- Viễn thám		
<i>b</i>	<i>Chi hoạt động kinh tế đất đai</i>	3.885,0	-
	- Điều tra cơ bản về đất đai	1.198,0	
	- Chi hoạt động khác	710,0	
	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính về đất đai	1.977,0	
<i>c</i>	<i>Chi hoạt động kinh tế địa chất khoáng sản</i>		
	- Điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản		
	- Các hoạt động khác		
<i>d</i>	<i>Chi hoạt động kinh tế tài nguyên nước</i>	1.000,0	4.922,0
	- Điều tra cơ bản về tài nguyên nước	1.000,0	3.422,0
	- Các hoạt động khác		
	Điều tra hiện trạng, nguyên nhân, dự báo nguy cơ sụt lún, trượt lở khu vực Trung tâm xã Tà Dình, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên và đề xuất biện pháp phòng tránh giảm thiểu thiệt hại.		1.500,0
<i>đ</i>	<i>Chi hoạt động kinh tế biển và hải đảo</i>		
	- Điều tra cơ bản về biển và hải đảo		
	- Các hoạt động khác		
	...		
<i>e</i>	<i>Chi hoạt động kinh tế khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu</i>	-	400,0
	- Hoạt động dự báo khí tượng thủy văn		
	- Hoạt động liên quan đến biến đổi khí hậu		
	- Điều tra cơ bản về khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu		400,0
	...		
<i>g</i>	<i>Chi hoạt động kinh tế tài nguyên khác</i>		
	...		
	...		

Ghi chú: Thuyết minh chi tiết, cụ thể theo từng nội dung phân bổ, giao dự toán.

**THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
CHO CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KINH TẾ NĂM 2019**

(Kèm theo Quyết định số 220/QĐ-STNMT ngày 19/12/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công	Đơn giá sản phẩm (đồng)	Dự toán giao chi thường xuyên (đồng)
A	B	1	2	3	4=2x3
I	Đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (1)				2.392.000.000
1	Đơn vị: Văn phòng Đăng ký đất đai	Đơn vị	42	23.000.000	966.000.000
2	Đơn vị: Trung tâm Phát triển quỹ đất	Đơn vị	39	23.000.000	897.000.000
3	Đơn vị: Trung tâm kỹ thuật TNMT	Đơn vị	14	23.000.000	322.000.000
4	Đơn vị: Trung tâm công nghệ thông tin TNMT	Đơn vị	9	23.000.000	207.000.000
	...				

Ghi chú (1): Cột 4. Dự toán giao chi thường xuyên = Số lượng người làm việc theo quyết định của cấp có thẩm quyền x Định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

THUYẾT MINH TỔNG HỢP PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 220/QĐ-STNMT ngày 19/12/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Ước thực hiện năm hiện hành	Năm 2019		
			Dự toán giao	Dự toán đã phân bổ cho các đơn vị trực thuộc	Phân bổ cho các đơn vị trực thuộc lần này
A	B	1	2	3	4
	Tổng chi	10.535,0	11.684,0	11.684,0	11.684,0
I	Khoản 341				
1.1	Kinh phí giao tự chủ	6.360,0	6.762,0	6.762,0	6.762,0
1.1.1	Quỹ lương (1)	4.205,0	4.597,0	4.597,0	4.597,0
-	Văn phòng Sở	2.698,0	2.752,0	2.752	2.752
-	Chi cục bảo vệ môi trường	636,0	740,0	740	740
-	Chi cục quản lý đất đai	871,0	1.105,0	1.105	1.105
1.1.2	Chi thường xuyên theo định mức, trong đó:	1.790,0	1.765,0	1.765,0	1.765,0
-	Văn phòng Sở	1.120,0	1.100,0	1.100,0	1.100,0
-	Chi cục bảo vệ môi trường	285,0	280,0	280,0	280,0
-	Chi cục quản lý đất đai	385,0	385,0	385,0	385,0
1.1.2.1.	Đoàn ra (2)				
1.1.2.2.	Đoàn vào (3)				
1.1.2.3.	Hội nghị, hội thảo (4)				
1.1.2.4.	Mua sắm, sửa chữa (5)	365,0	400,0	400,0	400,0
-	Văn phòng Sở	245	400,0	400,0	400,0
-	Chi cục bảo vệ môi trường	60		-	-
-	Chi cục quản lý đất đai	60		-	-
1.1.2.5.	Nhiệm vụ đặc thù (6)				
II	Khoản 332				
1.2	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ (7)	4.175,0	4.922,0	4.922,0	4.922,0
1.2.1	Xây dựng hàng lang bảo vệ nguồn nước mặt chính, quan trọng trên địa bàn tỉnh Điện Biên	1.000	3.422,0	3.422,0	3.422,0
1.2.2	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính thành phố Điện Biên Phủ.	1.977		-	-
1.2.3	Điều tra thoái hóa đất kỳ đầu trên địa bàn tỉnh Điện Biên	1.198		-	-
1.2.4	Điều tra hiện trạng, nguyên nhân, dự báo nguy cơ sạt lún, trượt lở khu vực Trung tâm xã Tìa Đình, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên và đề xuất biện pháp phòng tránh giảm thiểu thiệt hại.		1.500,0	1.500,0	1.500,0
III	Khoản..				
	...				

Tài liệu thuyết minh phân bổ dự toán làm theo:

(1) Thuyết minh theo các chỉ tiêu của từng đơn vị dự toán: số biên chế được giao, số biên chế thực tế có mặt tại thời điểm phân bổ dự toán, lương theo hệ số, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp;

Chương: 426

THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NĂM 2019(Kèm theo Quyết định số **220** /QĐ-STNMT ngày 19/12/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên)

Đơn vị: triệu đồng

Tên loại, khoản	Nội dung	Ước thực hiện năm hiện hành	Năm phân bổ			Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	Mã số KBNN nơi đơn vị giao dịch
			Dự toán giao	Dự toán đã phân bổ cho các đơn vị trực thuộc	Phân bổ cho các đơn vị trực thuộc		
A	B	1	2	3	4	5	6
	Tổng chi	10.535,0	11.684,0	11.684,0	11.684,0	-	-
1	Đơn vị: Sở TN&MT	5.995,0	6.362,0	6.362,0	6.362,0	-	-
1.1	<i>Kinh phí giao tự chủ</i>						
1.1.1	Quỹ lương	4.205,0	4.597,0	4.597,0	4.597,0		
-	Văn phòng Sở	2.698,0	2.752,0	2.752	2.752	1031867	2761
-	Chi cục bảo vệ môi trường	636,0	740,0	740	740	1098839	2761
-	Chi cục quản lý đất đai	871,0	1.105,0	1.105	1.105	1124362	2761
1.1.2	Chi thường xuyên theo định mức, trong đó:	1.790,0	1.765,0	1.765,0	1.765,0		
-	Văn phòng Sở	1.120,0	1.100,0	1.100,0	1.100,0	1031867	2761
-	Chi cục bảo vệ môi trường	285,0	280,0	280,0	280,0	1098839	2761
-	Chi cục quản lý đất đai	385,0	385,0	385,0	385,0	1124362	2761
1.1.2.1.	Đoàn ra						
1.1.2.2.	Đoàn vào						
1.1.2.3.	Hội nghị, hội thảo						
1.1.2.4.	Mua sắm, sửa chữa						
1.1.2.5.	Nhiệm vụ đặc thù (1)	4.175,0	4.922,0	4.922,0	4.922,0		
-	Xây dựng hành lang bảo vệ nguồn nước mặt chính, quan trọng trên địa bàn tỉnh Điện Biên	1.000,0	3.422,0	3.422,0	3.422,0	1031867	2761
-	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính thành phố Điện Biên Phủ.	1.977,0		-	-	1098839	2761
-	Điều tra thoái hóa đất kỳ đầu trên địa bàn tỉnh Điện Biên	1.198,0		-	-	1124362	2761
-	Điều tra hiện trạng, nguyên nhân, dự báo nguy cơ sạt lún, trượt lở khu vực Trung tâm xã Tia Đình, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên và đề xuất biện pháp phòng tránh giảm thiểu thiệt hại.	0,0	1.500,0	1.500,0	1.500,0	1124362	2761
...						
1.2	<i>Kinh phí giao không thực hiện tự chủ (1)</i>	365,0	400,0	400,0	400,0		
-	Văn phòng Sở	245	400,0	400,0	400,0	1031867	2761
-	Chi cục bảo vệ môi trường	60	-	-	-	1098839	2761
-	Chi cục quản lý đất đai	60	-	-	-	1124362	2761